TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 11/2020/DS-ST
Ngày: 05-5-2020
V/v "*đòi lại tài sản*".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Nguyễn Văn My.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc *"Đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Phương T, sinh năm 1945 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn:

1. Ông Đỗ Minh T1, sinh năm 1964 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Lệ Th, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đỗ Phương T trình bày: Vào năm 1995 ông có thiếu

của ông Huỳnh Thành Công 95 giạ lúa, lúc đó gia đình khó khăn không có tiền nên ông có giao cho ông Công 02 công đất ruộng để ông Công canh tác, khi nào ông có 95 giạ lúa thì ông Công trả đất lại cho ông. Ông Công canh tác được một thời gian thì vợ ông Công bệnh nên ông Công cố phần đất của ông cho bà Phạm Thị Tím với giá 3 chỉ vàng 24k. Bà Tím canh tác được một thời gian đến năm 1998 thì ông có đưa cho ông Đỗ Minh T1 (con ruột) mượn 3 chỉ vàng 24k để đưa cho bà Tím chuộc lại 2 công đất và ông giao cho ông T1 và bà Th quản lý canh tác. Đến nay ông yêu cầu ông T1 và bà Th trả lại cho ông 3 chỉ vàng 24k mà trước đây ông cho mượn nhưng ông T1 và bà Th không trả. Từ đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Minh T1 và bà Nguyễn Lệ Th trả cho ông 3 chỉ vàng 24k.

- Tại biên bản hòa giải ngày 03 tháng 01 năm 2020 bị đơn bà Nguyễn Lệ Th trình bày: Bà và ông T1 chung sống với nhau vào năm 1993, khi đó phần đất ông T đã cố cho ông Công và ông Công đã cố cho bà Tím. Đến năm 1996 bà và ông T1 có xuất 03 chỉ vàng để chuộc đất từ bà Tím và đã lấy lại đất canh tác cho đến khi bà và ông T1 ly hôn với nhau. Khi chuộc đất bà Tím có đưa giấy cố đất từ ông Công cố cho bà Tím cho vợ chồng bà giữ và khi vợ chồng bà ly hôn bà đã nộp cho Tòa án. Ông T cho rằng số vàng chuộc đất từ bà Tím là của ông T1 mượn của ông T là không đúng, bà và ông T1 không có mượn 03 chỉ vàng của ông T nên ông T yêu cầu bà và ông T1 trả 03 chỉ vàng 24k bà không đồng ý.

- Tại biên bản hòa giải ngày 02 tháng 3 năm 2020 và tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Minh T1 trình bày: Ông thừa nhận vào năm 1998 ông và bà Th có mượn của ông Đỗ Phương T 03 chỉ vàng 24k trả cho bà Phạm Thị Tím để chuộc đất. Ông T yêu cầu ông cùng bà Th trả 03 chỉ vàng 24k ông đồng ý cùng bà Th trả cho ông T 03 chỉ vàng 24k. Do ông và bà Th đã ly hôn nên ông yêu cầu chia đôi số nợ, ông và bà Th mỗi người trả cho ông T 1,5 chỉ vàng 24k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đỗ Phương T khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Minh T1 và bà Nguyễn Lệ Th trả 03 chỉ vàng 24k. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc "*Đòi lại tài sản"* nên theo quy định tại khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú T1, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú T1, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Lệ Th là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Lệ Th.

[2] Tại phiên tòa ông Đỗ Phương T cho rằng vào năm 1998 có đưa cho ông T1 và bà Th 03 chỉ vàng để chuộc đất từ bà Phạm Thị Tím (Tiếm) nên ông T yêu cầu ông T1, bà Th trả 03 chỉ vàng 24k. Ông T1 cho rằng ông vào năm 1998 ông T có

đưa cho ông và bà Th 03 chỉ vàng để chuộc đất nên ông T1 đồng ý trả cho ông T 1,5 chỉ vàng 24k. Bà Th cho rằng vào năm 1996 bà và ông T1 đã xuất 03 chỉ vàng chuộc đất từ bà Tím, ông T không có đưa 03 chỉ vàng để chuộc đất nên không đồng ý trả vàng theo yêu cầu của ông T. Xét thấy, ông T cho rằng vào năm 1998 có đưa cho ông T1, bà Th 03 chỉ vàng 24k nhưng ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc có đưa cho ông T1 bà Th 03 chỉ vàng 24k; bà Th không thừa nhận có nhận của ông T 03 chỉ vàng 24k; Ông T1 cho rằng ông T có đưa cho ông T1 và bà Th 03 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 84/2018/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú T1 và Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 53/2018/HNGĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã xác định 03 chỉ vàng 24k mà ông T1, bà Th trả cho bà Tím để chuốc đất là tài sản chung của ông T1, bà Th và đã chia theo quy định của pháp luật, các bản nêu trên đã có hiệu lực pháp luật nên lời trình bày của ông T và ông T1 cho rằng ông T đã đưa cho ông T1, bà Th 03 chỉ vàng trả cho bà Tím là không có cơ sở. Do đó, ông T yêu cầu ông T1 và bà Th trả 03 chỉ vàng 24k là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Do ông Đỗ Phương T là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Phương T về việc yêu cầu ông Đỗ Minh T1 và bà Nguyễn Lệ Th trả 03 (ba) chỉ vàng 24k.

- Về án phí:

Miễn tòa bộ án phí dân sự có giá ngạch cho ông Đỗ Phương T.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Lệ Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều